

Số: **264**/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016- 2020 đến năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 5333/BGDĐT-KHTC ngày 09/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình như sau:

Phần Mở đầu

Thực hiện các Công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo số: 5288/BGDĐT-KHTC ngày 22/11/2018 về việc triển khai Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020; số 5920/BGDĐT-KHTC ngày 28/12/2019 về việc triển khai Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 đảm bảo hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/7/2019 về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Quảng Ngãi.

Tại các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi có 52 trường có học sinh bán trú theo học, trong đó có 25 trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) và 17 trường phổ thông vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có học sinh bán trú theo học; dự kiến năm 2020, 2021 sẽ thành lập thêm 13 trường PTDTBT tại huyện Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ. Hầu hết các trường thuộc vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học còn thiếu, bàn ghế học sinh, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp, đồ dùng khu nội trú, nhà ăn, nhà bếp, khu ở nội trú cho học sinh, nhà vệ sinh còn tạm bợ, nhu cầu học sinh ở nội trú ngày càng nhiều.

Số học sinh bán trú, học sinh người dân tộc thiểu số tham gia học tập tại các trường PTDT bán trú và các trường phổ thông có học sinh bán trú theo học ngày càng tăng, chủ yếu tập trung ở các xã thuộc các huyện Trà Bồng, Sơn Tây và Ba Tơ. Tuy vậy cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập còn nhiều hạn chế, thiếu thốn, nhà ở bán trú, nhà ở nội trú, nhà vệ sinh, nhà ăn, nhà bếp chưa đáp ứng nhu cầu ở bán trú của học sinh, nhiều nơi xuống cấp chưa kịp sửa chữa.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. Công tác chỉ đạo

UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị đầu mối chủ trì tổng hợp, tham mưu, đề xuất phương án đầu tư, triển khai thực hiện, kiểm tra giám sát, đánh giá; rà soát đề xuất danh mục cần sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu, bàn ghế học sinh, thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp, trang thiết bị đồ dùng khu nội trú; xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trung hạn và hàng năm của địa phương gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán phân kinh phí trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

II. Kết quả đạt được

1. Tình hình thực hiện năm 2016, 2017

Tổng nguồn vốn Trung ương/địa phương được giao để thực hiện Chương trình năm 2016 là 13.316 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 9.982 triệu đồng; ngân sách địa phương vốn đối ứng 3.334 triệu đồng (*tại Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi*); trên cơ sở kinh phí được phân bổ, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức triển khai thực hiện việc sửa chữa, cải tạo, mở rộng nhà ăn, nhà bếp, nhà ở học sinh bán trú và mua sắm các loại trang thiết bị dạy học tối thiểu và bàn ghế học sinh; trang thiết bị dụng cụ nhà ăn, nhà bếp, trang thiết bị cho học sinh khu bán trú ở 6 huyện miền núi: Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ và Minh Long với kinh phí thực hiện như sau:

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị và bàn ghế học sinh: 4.427 triệu đồng.
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp: 1.352 triệu đồng.
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị đồ dùng cho học sinh nội trú: 1.579 triệu đồng.
- Kinh phí sửa chữa cải tạo nhà ăn, nhà bếp và khu nội trú là: 5.988 triệu đồng, trong đó sửa chữa cải tạo nhà ăn, nhà bếp: 1.908 triệu đồng; kinh phí sửa chữa cải tạo khu nội trú: 4.080 triệu đồng.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Tình hình thực hiện năm 2018, năm 2019

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2019; trên cơ sở kinh phí được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/7/2019, cụ thể:

a) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trường PTDTBT:

Có 18 công trình xây dựng, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trường PTDTBT ở 6 huyện miền núi: Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà,

Ba Tư và Minh Long với tổng mức đầu tư 21.462 triệu đồng; Kinh phí bố trí để thực hiện là 19.055 triệu đồng, trong đó: kinh phí Trung ương là 14.292 triệu đồng, kinh phí đối ứng địa phương là 4.763 triệu đồng. Lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành từ khởi công đến 31/12/2019 là 18.124,7 triệu đồng; lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2019 là 18.124,7 triệu đồng, trong đó: kinh phí ngân sách Trung ương là 13.594 triệu đồng, kinh phí đối ứng (NS tỉnh) là 4.530,7 triệu đồng. Số kinh phí còn lại là 930 triệu đồng, trong đó kinh phí tiết kiệm trong đấu thầu là 535 triệu đồng, kinh phí quyết toán giảm khối lượng và các chi phí khác không thực hiện là 395 triệu đồng.

Năm 2020, cấp bổ sung kinh phí để trả nợ tiền thâm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành các công trình năm 2019 là 197,4 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

b) Mua sắm trang thiết bị:

Trên cơ sở Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương mua sắm tài sản, trang thiết bị cấp cho các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú, trong đó kinh phí được giao để thực hiện mua sắm thiết bị, đồ dùng là: 18.145 triệu đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức đấu thầu mua sắm trang thiết bị dạy học, mua sắm đồ dùng khu nội trú, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp để cấp cho các trường PTDT bán trú và các trường có học sinh bán trú theo học tại đồ dùng khu nội trú; đồ dùng nhà ăn, nhà bếp để cấp cho các trường PTDT bán trú và các trường có học sinh bán trú. Kết quả đã chọn được nhà thầu cung cấp trang thiết bị, đồ dùng khu nội trú; đồ dùng nhà ăn, nhà bếp để cấp cho các trường PTDT bán trú và các trường có học sinh bán trú với giá trúng thầu là 18.050 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị và bàn ghế học sinh: 3.033 triệu đồng
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp: 11.645 triệu đồng
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị đồ dùng cho học sinh nội trú: 3.372 triệu đồng.
- Số kinh phí còn lại là 95 triệu đồng (*kinh phí tiết kiệm trong đấu thầu mua sắm tài sản*).

4. Tình hình thực hiện năm 2020:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2020; trên cơ sở kinh phí được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/7/2019, cụ thể:

a) Về nguồn vốn:

- Kinh phí ngân sách Trung ương được phân bổ tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 là 30.000 triệu đồng.
- Kinh phí đối ứng (ngân sách tỉnh) được phân bổ tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 là 10.000 triệu đồng.

- Ngày 15/9/2020, UBND tỉnh đã có Quyết định số 554/QĐ-UBND về việc phân bổ sinh phí sự nghiệp giáo dục thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020 là 40.000 triệu đồng (trong đó nguồn kinh phí TW: 30.000 triệu đồng, kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh là 10.000 triệu đồng).

- Ngày 26/11/2020, UBND tỉnh có Quyết định số 810/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 (trong đó nguồn kinh phí TW: 30.000 triệu đồng, kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh là 9.937 triệu đồng).

b) Về tình hình triển khai, thực hiện:

- Xây dựng, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trường PTDTBT:

Năm 2020, kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh cấp để sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trường PTDTBT là 6.000 triệu đồng, trong đó kinh phí trả nợ tiền thâm tra phê duyệt quyết toán công trình năm 2019 là 197,4 triệu đồng; kinh phí bố trí xây dựng, sửa chữa năm 2020 là 5.802,6 triệu đồng.

Có 09 công trình xây dựng, sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các trường PTDTBT ở 3 huyện miền núi: Trà Bồng, Sơn Tây, Ba Tơ với tổng mức đầu tư 5.921,944 triệu đồng; Kinh phí bố trí để thực hiện là 5.802,6 triệu đồng; trong đó: kinh phí Trung ương là 0 triệu đồng, kinh phí đối ứng địa phương là 5.802,6 triệu đồng. Dự kiến giải ngân đến 31/12/2020 là 5.734 triệu đồng; lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành từ khởi công đến 31/12/2020 là 5.734,1 triệu đồng. Trong đó khối lượng hoàn thành đề xuất bố trí năm 2020 là 5.734,1 triệu đồng, trong đó: kinh phí ngân sách Trung ương là 0 triệu đồng, kinh phí đối ứng (NS tỉnh) là 5.734 triệu đồng. Số kinh phí còn lại là 68,5 triệu đồng, kinh phí quyết toán giảm khối lượng là 68,5 triệu đồng.

- Mua sắm trang thiết bị:

Trên cơ sở Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh, kinh phí được giao để thực hiện mua sắm thiết bị dạy học là: 33.936 triệu đồng, trong đó kinh phí mua sắm trang thiết bị và bàn ghế học sinh: 31.007,194 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ CHUNG, KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về những kết quả nổi bật của Chương trình

Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh Quảng Ngãi được thụ hưởng Chương trình, nhờ đó sự nghiệp giáo dục và đào tạo vùng DTTS, MN có những chuyển biến đáng kể; hệ thống các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú được quan tâm đầu tư xây dựng ngày càng khang trang, đảm bảo đủ

điều kiện để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Tỷ lệ học sinh đến trường tăng cao, học sinh bỏ học ngày càng giảm.

Qua đánh giá thực tế việc sửa chữa, cải tạo, mở rộng tại các trường PTDTBT và các trường phổ thông có học sinh bán trú theo học được đầu tư trong năm 2019 và cả giai đoạn 2016- 2020, các nhà ăn, nhà bếp, khu ở nội trú cho học sinh được đảm bảo, bước đầu đã ổn định chỗ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh ở bán trú, góp phần giải quyết một phần khó khăn cho các huyện miền núi có trường PTDTBT và các trường phổ thông có học sinh bán trú theo học. Tuy nhiên với nhu cầu thực tế hiện nay đang còn một số trường PTDTBT và các trường PT có học sinh bán trú theo học vẫn còn thiếu nhiều, chưa được đầu tư sửa chữa, mở rộng nhà ăn, nhà bếp và nhà ở bán trú cho học sinh;

Các trường PTDTBT và các trường phổ thông có học sinh bán trú theo học đã nhận đủ các trang thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh; đồ dùng nhà ăn, nhà bếp; đồ dùng khu ở nội trú ở 5 huyện miền núi: Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ và Minh Long, góp phần bước đầu ổn định tình hình ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh ở bán trú, giải quyết một phần khó khăn cho các huyện miền núi có trường PTDTBT và các trường phổ thông có học sinh bán trú theo học.

2. Khó khăn

Quy định sử dụng đối đa kinh phí 15% tổng mức vốn của Chương trình để thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp, khu nội trú của học sinh là quá thấp so với nhu cầu của địa phương.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Chương trình triển khai có ý nghĩa nhân văn, tạo điều kiện để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu trình Chính phủ tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2021-2025;

- Nâng tỷ lệ sử dụng tối đa kinh phí của Chương trình để thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp, khu nội trú của học sinh, đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.

Kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB:CVP, PCVP, KT,CBTH
- Lưu: VT, KGVX hq503.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên





BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020
(Kèm theo Báo cáo số: **264** /BC-UBND ngày **18** tháng **12** năm **2020** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020
a	b	c	1	2	3	4	5
I	Trường PTDTBT (thuộc đối tượng Chương trình)						
1	Số trường PTDTBT	Trường		21		27	24
	Trong đó: - Trường PTDTBT Tiểu học	Trường		6		4	3
	- Trường PTDTBT Trung học cơ sở	Trường		15		23	21
2	Số học sinh được hưởng chính sách theo chế độ học sinh bán trú (Nghị định số 116/2016/NĐ-TTg ngày 18/7/2016)	Học sinh		2.900		2973	2821
3	Số trường được bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu và bàn ghế học sinh	Trường		16		10	24
4	Số nhà bếp - nhà ăn được bổ sung trang thiết bị đồ dùng	Nhà		15		12	0
5	Số khu nội trú được bổ sung trang thiết bị, đồ dùng	Khu		16		12	0
6	Số nhà ăn - nhà bếp tạm, xuống cấp được cải tạo, sửa chữa	Nhà		13		10	2
7	Số khu nội trú tạm, xuống cấp được cải tạo sửa chữa	Khu		16		8	6
	Tr.đó:						
	- Số phòng nội trú tạm, xuống cấp được cải tạo sửa chữa	Phòng		10		25	16
	- Số phòng nội trú thiếu được xây dựng bổ sung	Phòng		0		30	18
II	Số trường phổ thông công lập ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn có học sinh bán trú theo quy định tại Nghị định 116/2016/NĐ-CP						
1	Số trường phổ thông công lập thuộc đối tượng Chương trình (trường phổ thông có học sinh bán trú)	Trường		11		14	17
	Trong đó: - Trường Tiểu học	Trường		8		6	6
	- Trường Trung học cơ sở	Trường		3		8	11
2	Số học sinh được hưởng chính sách theo chế độ học sinh bán trú (Nghị định số 116/2016/NĐ-TTg ngày 18/7/2016)	Học sinh		8.100		8128	8053

3	Số trường được bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu và bàn ghế học sinh	Trường	11			5	17
4	Số nhà bếp - nhà ăn được bổ sung trang thiết bị đồ dùng	Nhà	0			7	0
5	Số khu nội trú được bổ sung trang thiết bị, đồ dùng	Khu	0			7	0
6	Số nhà ăn - nhà bếp tạm, xưởng cấp được cải tạo, sửa chữa	Nhà	0			6	0
7	Số khu nội trú tạm, xưởng cấp được cải tạo sửa chữa	Khu	0			5	0
	Tr.đó:						
	- Số phòng nội trú tạm, xưởng cấp được cải tạo sửa chữa	Phòng	0			20	0
	- Số phòng nội trú thiếu được xây dựng bổ sung	Phòng	0			40	0
III	Tổng số kinh phí	Triệu đồng	13.316			37.200	39.937
1	Chia theo nguồn kinh phí						
	- NSTW	Triệu đồng	9.982			27.900	30.000
	- NSDP và đối ứng	Triệu đồng	3.334			9.300	9.937
2	Chia theo nội dung chi:						
a	Kinh phí mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng. Chia ra:	Triệu đồng	7.328			18.050	31.007
	- Kp trang thiết bị dạy học tối thiểu và bàn ghế học sinh	Triệu đồng	4.427			3.033	31.007
	- Kp trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp	Triệu đồng	1.352			11.644	-
	- Kp trang thiết bị đồ dùng cho học sinh nội trú	Triệu đồng	1.549			3.372	-
b	Kinh phí cải tạo, sửa chữa. Chia ra:	Triệu đồng	5.988			18.124,70	5.917,23
	- Kp sửa chữa cải tạo nhà ăn, nhà bếp	Triệu đồng	1.908			8.200,0	2.283,26
	- Kp sửa chữa cải tạo cho học sinh nội trú	Triệu đồng	4.080			9.924,7	3.633,97